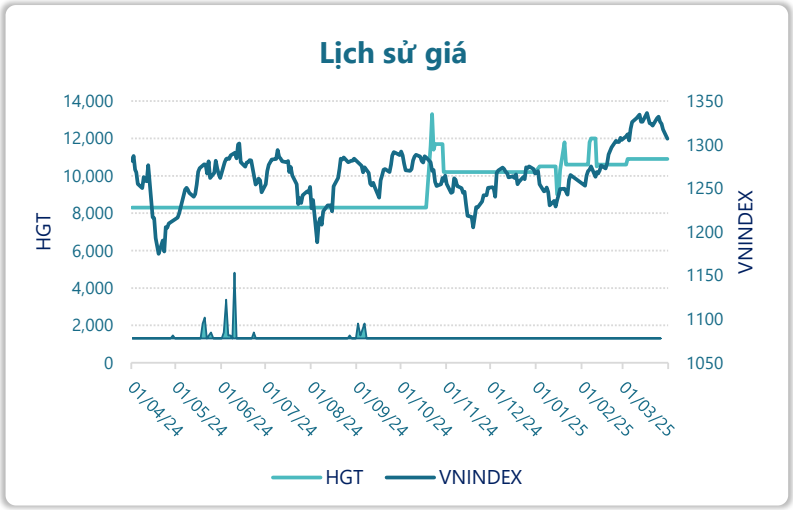
FireAnt

CTCP Du lịch Hương Giang (UPCOM: HGT)



Thông tin giao dịch	31/03/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	**10,900**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	13,300
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	8,300
SL cổ phiếu LH	20,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	5
% sở hữu nước ngoài	49.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	218
P/E	3.4
EPS	3,250

DT thuần

Q1/25

13.3

tỷ VNĐ

QoQ: ▼0.60| -4.5%

YoY: ▲ 0.20| 1.3%

LN sau thuế

Q1/25

1.83

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 11.0| 120%

YoY: ▲ 0.80| 77.5%

Tỷ suất lãi EBIT

2024

119%

+/- YoY: ▲ 113%

DT thuần

2024

57.4

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 6.30| 12.5%

LN sau thuế

2024

64.6

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 63.6| 6352%

ROE

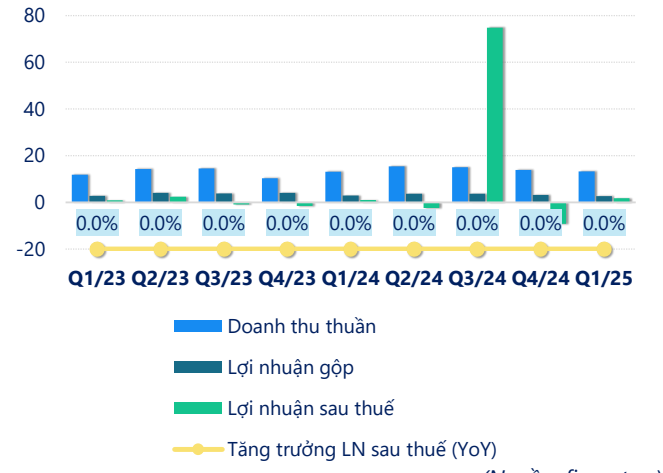
2024

37.1%

+/- YoY: ▲ 36.4%

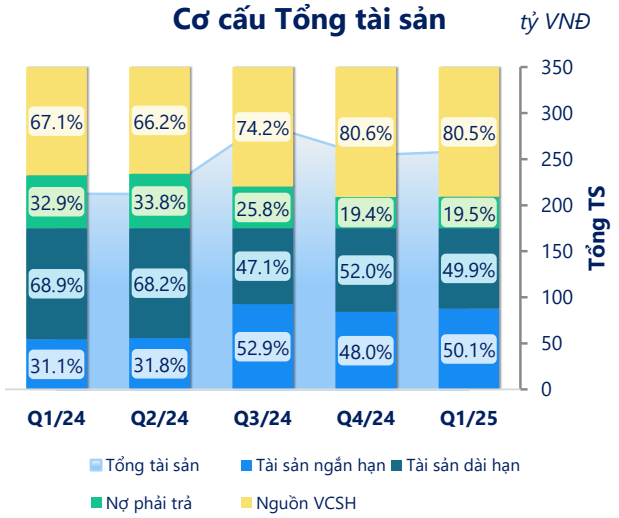
Powered by Infographic

Kết quả kinh doanh



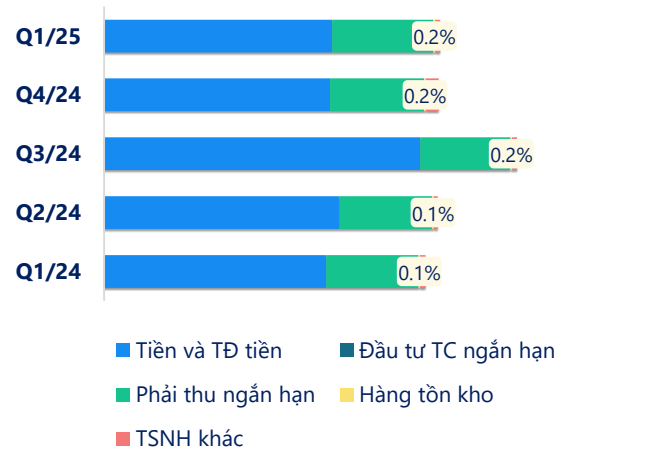
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



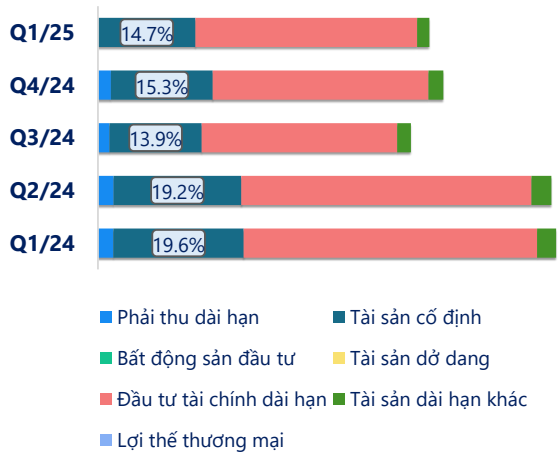
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



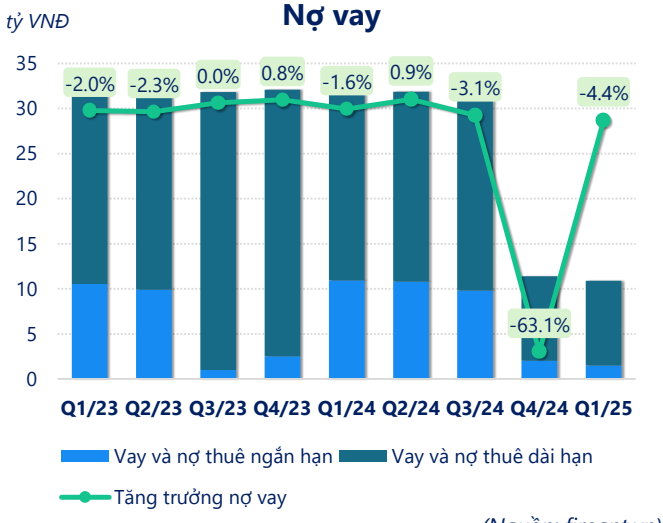
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



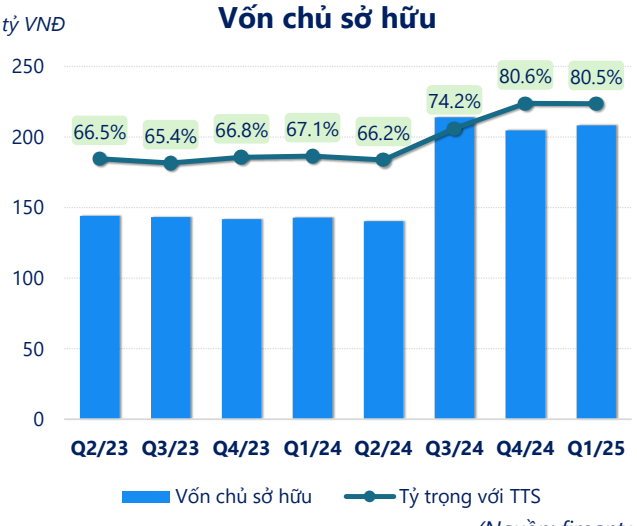
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



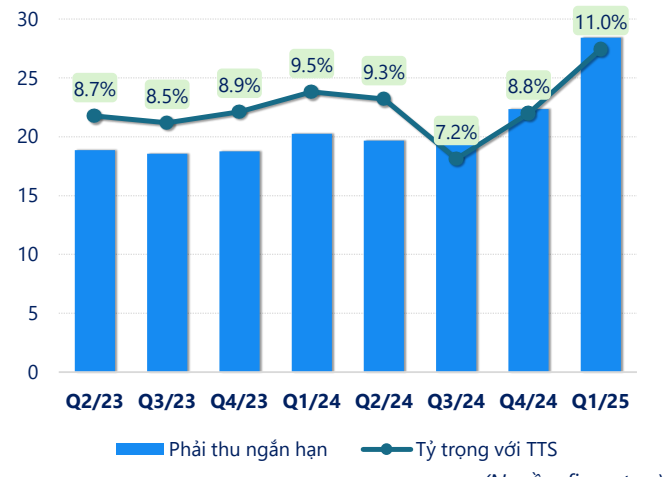
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



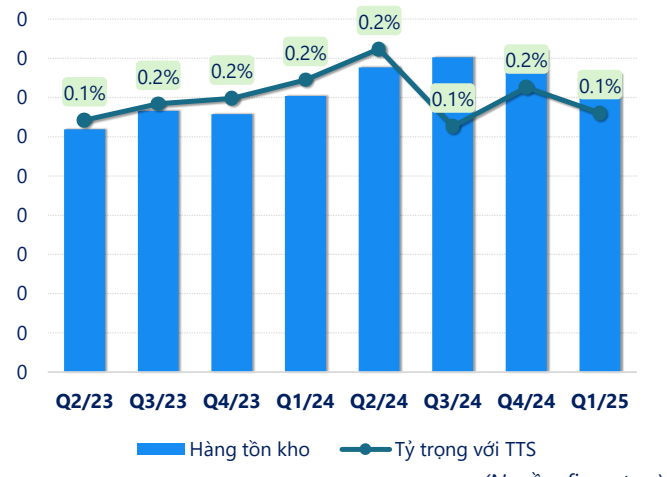
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



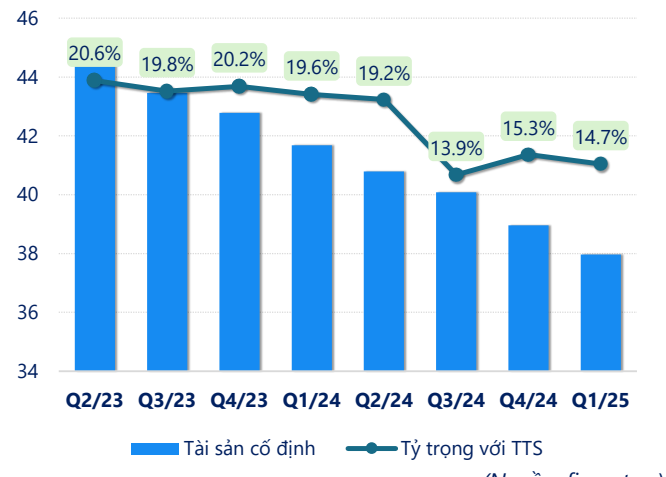
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



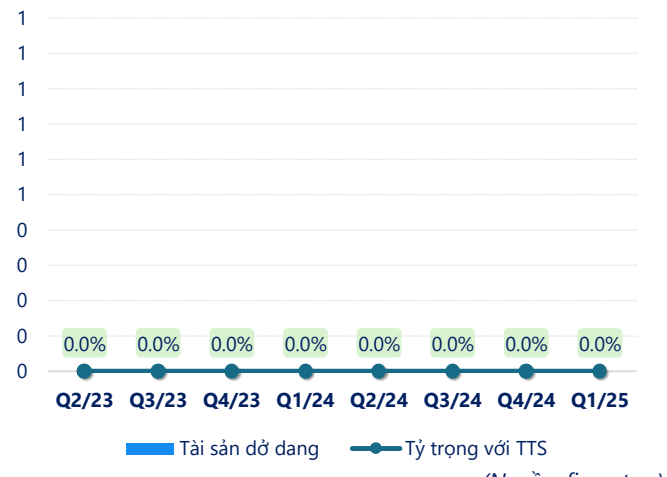
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



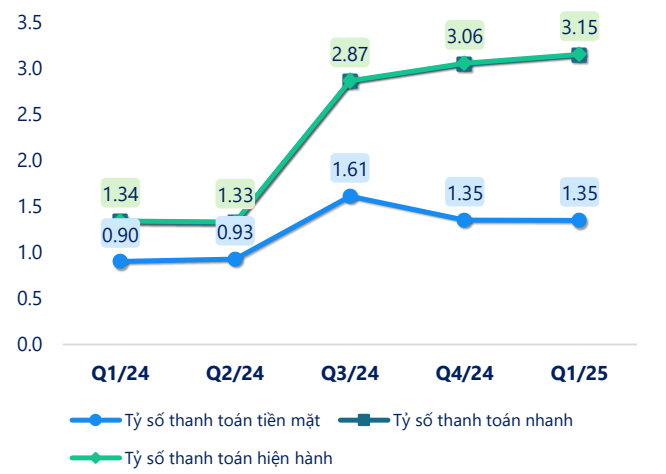
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



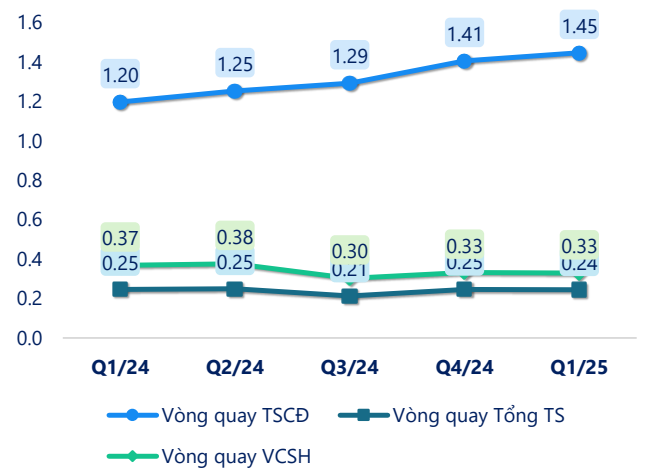
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Tổng tài sản	**213**	**212**	**288**	**254**	**259**
Tài sản ngắn hạn	**66.0**	**67.4**	**152**	**122**	**130**
Tiền và tương đương tiền	44.4	47.0	85.7	54.0	55.5
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	45.0	45.0	45.0
Phải thu ngắn hạn	20.2	19.7	20.9	22.3	28.4
Hàng tồn kho	0.35	0.39	0.40	0.41	0.38
Tài sản ngắn hạn khác	1.02	0.37	0.51	0.30	0.38
Tài sản dài hạn	**147**	**145**	**136**	**132**	**129**
Phải thu dài hạn	4.95	4.95	4.95	4.95	0
Tài sản cố định	41.7	40.8	40.1	39.0	38.0
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	0	0	0	0	0
Đầu tư tài chính dài hạn	93.8	92.5	84.7	82.4	86.3
Tài sản dài hạn khác	6.11	6.35	5.99	5.67	4.78
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**69.8**	**71.7**	**74.3**	**49.3**	**50.5**
Nợ ngắn hạn	**49.2**	**50.6**	**53.2**	**39.9**	**41.1**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	10.9	10.8	9.80	2.00	1.50
Phải trả người bán ngắn hạn	1.64	1.76	1.29	1.05	1.70
Nợ dài hạn	20.7	21.1	21.1	9.39	9.39
Vay và nợ thuê dài hạn	20.7	21.1	21.1	9.39	9.39
Nguồn vốn chủ sở hữu	**143**	**140**	**214**	**205**	**208**
Vốn chủ sở hữu	**143**	**140**	**214**	**205**	**208**
Vốn điều lệ	200	200	200	200	200
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)